

Xuất khẩu hàng hóa bền vững: Giải pháp thúc đẩy kinh tế Việt Nam phát triển nhanh và bền vững

GS.TS. CHU VĂN CẤP

Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

THS. NGUYỄN ĐỨC HÀ

Học viện An ninh Nhân dân

Trong những năm qua, phát triển xuất khẩu hàng hóa (XKHH) đã có những đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới đất nước, là một trong những động lực chính của tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định chính trị, xã hội. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa (TTXKHH) của nước ta thiên về chỉ tiêu số lượng, chưa coi trọng chất lượng, nặng về khai thác điều kiện tự nhiên và lao động rẻ, thiếu tính bền vững. Bài viết này trình bày tổng quan về tình hình xuất khẩu của VN thời gian qua và những giải pháp cần thiết để phát triển xuất khẩu bền vững nhằm thúc đẩy kinh tế VN phát triển nhanh và bền vững.

Từ khóa: Xuất khẩu hàng hóa, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

1. Tổng quan về hoạt động XKHH thời kỳ 2001-2012

1.1. Những kết quả

Trong những năm qua, nhịp độ tăng trưởng kim ngạch và quy mô XKHH ở nước ta đạt ở mức cao và liên tục

Nhận xét:

- Nhịp độ tăng trưởng kinh ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm, thời kỳ 2001-2011 ở mức cao, đạt 19%/năm. Quy mô kim ngạch xuất khẩu tăng từ 15 tỷ USD năm 2001 lên 96,6 tỷ USD năm 2011, tăng gần 6,5 lần. Năm 2012 kim ngạch xuất khẩu đạt 114,57 tỷ, tăng 18,2% so với năm 2011.

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu/GDP tăng từ 46,3% năm 2001 lên 91,4% năm 2011 và năm 2012 trên 100%. Điều này chứng tỏ độ mở

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu thời kỳ 2001-2012

Năm	KNXK (tỷ USD)	XK/GDP	Tăng giảm so năm trước (%)	Năm	KNXK (tỷ USD)	XK/GDP	Tăng giảm so năm trước (%)
2001	15,00	46,3	3,8	2007	48,56	68,2	28,9
2002	16,70	47,6	11,2	2008	62,91	71,3	29,5
2003	20,15	50,6	20,6	2009	56,58	59,3	-9,7
2004	26,49	58,4	31,4	2010	68,00	66,7	19,1
2005	32,45	61,1	22,5	2011	96,90	91,4	25,5
2006	39,83	65,3	22,7	2012	114,57	100,0	18,2

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư & Tổng cục Thống kê: Tình hình thực hiện phát triển kinh tế-xã hội

của nền kinh tế VN là rất lớn.

- Mặt hàng xuất khẩu ngày càng phong phú, đa dạng, có nhiều nhóm hàng “chủ lực” đạt kim ngạch lớn. Nếu như năm 2004 chỉ có 6 nhóm hàng/mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, thì năm 2010

là 18, năm 2012 là 22, trong đó 8 nhóm hàng đạt trên 1 tỷ USD và 14 nhóm hàng đạt trên 2 tỷ USD.

Lợi thế về điều kiện tự nhiên đã tạo điều kiện cho VN có được thứ hạng cao về xuất khẩu một số nông sản, như: gạo thứ 2 (sau Thái

Lan), hạt điều nhân và hạt tiêu thứ nhất, cà phê thứ nhất (năm 2012), thủy sản, cao su thiên nhiên, giấy dếp giữ vị trí thứ tư. Từ năm 2010, VN trở thành 1 trong 10 quốc gia xuất khẩu hàng dệt may lớn nhất thế giới.

- Hàng hóa xuất khẩu của VN đã có mặt trên thị trường của 220 nước và vùng lãnh thổ, hầu hết các châu lục. Chủ yếu là châu Á, châu Âu và châu Mỹ. Các thị trường XKHH lớn của VN là Mỹ, EU, ASEAN, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc. Trong đó, Mỹ là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất của VN trong các năm 2008-2011. Năm 2012 EU vươn lên là thị trường tiêu thụ hàng hóa lớn nhất của VN, với kim ngạch đạt 20,3 tỷ USD, tăng 22,5% so với năm 2011 và chiếm 17% tổng kim ngạch xuất khẩu¹.

- Trong hơn 10 năm qua, xuất khẩu đã đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào tăng trưởng kinh tế, bên cạnh các yếu tố khác là tiêu dùng, đầu tư và nhập khẩu². Sự gia tăng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu luôn luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế và có xu hướng cao hơn tốc độ tăng trưởng nhập khẩu.

Nhận xét: Kim ngạch xuất khẩu luôn đạt tốc độ tăng trưởng 2 con số (trừ năm 2001 và 2009 (do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu), cao hơn 2-3 lần tốc độ tăng GDP hàng năm. Riêng năm 2004 cao gấp hơn 4 lần. Sự tăng trưởng cao của xuất khẩu đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô như hạn chế nhập siêu, cân bằng cán cân thanh toán quốc tế và tăng dự trữ ngoại

¹Tổng cục Thống kê: Tình hình thực hiện phát triển kinh tế- xã hội năm 2010, 2011 và 2012.

² Tính theo điểm phần trăm, năm 2005, GDP tăng 8,44% thì xuất khẩu đóng góp 15,13 điểm phần trăm, tương ứng năm 2006: 8,23 và 17,78; năm 2007: 8,48 và 19,8; năm 2008: 6,18 và 3,57.

Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng xuất, nhập khẩu và GDP

Năm	Tốc độ tăng XK (%)	Tốc độ tăng NK (%)	Tốc độ tăng GDP (%)	Năm	Tốc độ tăng XK (%)	Tốc độ tăng NK (%)	Tốc độ tăng GDP (%)
2001	4,00	3,5	6,83	2007	21,9	27,0	8,5
2002	11,5	2,2	7,08	2008	29,1	28,6	6,18
2003	20,5	28,0	7,34	2009	-9,7	14,7	5,32
2004	31,5	26,5	7,79	2010	19,1	16,5	6,78
2005	22,5	15,4	8,44	2011	33,3	24,7	5,89
2006	22,3	20,2	8,17	2012	18,3	7,1	5,03

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư & Tổng cục Thống kê: Tình hình thực hiện phát triển kinh tế-xã hội

tệ. Trong năm 2012 VN xuất siêu gần 300 triệu USD. Đây là lần đầu tiên trong 20 năm kể từ năm 1993 trở lại đây VN có xuất siêu. Như vậy là đã vượt mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020.

- Phát triển xuất khẩu đã góp phần tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, nhất là đối với khu vực nông thôn. Phát triển xuất khẩu cũng có tác dụng tích cực trong việc nâng cao trình độ lao động, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thúc đẩy XKHH cũng đã tăng khả năng đáp ứng các quy định và tiêu chuẩn quốc tế về môi trường sinh thái và an toàn thực phẩm của nhiều nhóm hàng xuất khẩu.

1.2. Những hạn chế

XKHH của VN trong thời gian qua phát triển chưa bền vững; thể hiện: (1) Giá trị gia tăng của hàng hóa xuất khẩu còn thấp, do chủ yếu dựa vào khai thác các yếu tố về điều kiện tự nhiên và lao động rẻ. Có một nghiên cứu cho thấy: VN chỉ được hưởng dưới 5% lợi nhuận của 1 áo sơ mi xuất khẩu; (2) Chính sách phát triển xuất khẩu trong thời gian qua quá chú trọng đến chỉ tiêu về số lượng, chưa thật sự quan tâm đến chất lượng và hiệu

quả; (3) Chưa khai thác một cách hiệu quả lợi thế cạnh tranh dựa vào công nghệ, trình độ lao động, quản lý ... để tạo ra các nhóm hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh cao có hàm lượng khoa học, công nghệ cao; (4) Phần lớn nguyên liệu làm hàng xuất khẩu phải nhập từ bên ngoài và mặt hàng xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu phụ thuộc quá nhiều vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI); (5) Mở rộng XKHH có nguy cơ làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, suy giảm đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường sinh thái, do khai thác quá mức, không hợp lý các nguồn lợi tự nhiên và sử dụng ngày càng nhiều đất đai, tài nguyên thiên nhiên làm các yếu tố đầu vào để sản xuất, xuất khẩu; và (6) Nhiều vấn đề nảy sinh từ hoạt động xuất, nhập khẩu chưa được giải quyết tốt, chia sẻ lợi ích từ xuất khẩu chưa thật công bằng, đặc biệt lợi ích thu được từ các nhóm hàng có nguồn gốc từ tự nhiên. Gia tăng giàu nghèo trong quá trình tự do hóa thương mại. Cơ hội về việc làm, thu nhập dựa vào xuất khẩu chưa thật bình đẳng và bền vững đối với nhóm xã hội dễ bị tổn thương là người có thu nhập thấp, khu vực nông nghiệp.

Nguyên nhân của những hạn chế nêu trên là: (i) Trong quá trình

xây dựng, hoạch định chính sách xuất khẩu thời kỳ vừa qua, chúng ta chưa thật sự quan tâm đúng mức đến chất lượng tăng trưởng xuất khẩu, thiên về chỉ tiêu số lượng, ít quan tâm đến phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho các ngành sản xuất hàng hóa xuất khẩu, duy trì quá lâu mô hình tăng trưởng xuất khẩu theo bề rộng; (ii) Coi nhẹ những ảnh hưởng tiêu cực của xuất khẩu đối với xã hội và môi trường. Chúng ta chưa có chính sách chia sẻ hợp lý lợi ích và hạn chế rủi ro trong hoạt động xuất khẩu. Trong nhiều trường hợp, Chính phủ còn bị động trong việc điều hành xuất khẩu, chính sách của Nhà nước đề hạn chế rủi ro chưa được thực hiện kịp thời; (iii) Hạn chế về năng lực thực thi các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, đặc biệt tại các khu công nghiệp, các vùng nuôi trồng thủy sản, khu vực khai thác, chế biến khoáng sản là nguyên nhân gây suy thoái môi trường; và (iv) Hoạt động xuất khẩu dễ bị tổn thương trong bối cảnh thị trường thế giới có nhiều biến động và độ mở của nền kinh tế nước ta quá lớn.

2. Những giải pháp phát triển xuất khẩu bền vững

Trong những năm tới, xuất khẩu vẫn là động lực chính của tăng trưởng kinh tế VN. Với một nền kinh tế hội nhập sâu rộng và có độ mở lớn như VN, phát triển xuất khẩu bền vững là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay. Đại hội lần thứ XI của Đảng đã đề ra mục tiêu của xuất khẩu giai đoạn 2011-2015 là “Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 12%/năm, giảm nhập siêu, phấn đấu đến năm 2020 cân bằng được xuất nhập khẩu”. Bộ Công thương cũng đã dự kiến, năm 2013 xuất khẩu tăng trưởng 10%

so với năm 2012, tức đạt 129,14 tỷ USD, kiểm soát nhập siêu ở mức 8% kim ngạch xuất khẩu và mục tiêu lâu dài là rút ngắn lộ trình cân bằng cán cân xuất nhập khẩu vào năm 2020, theo Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Xuất khẩu bền vững, với các giải pháp sau đây:

2.1. *Đổi mới mô hình tăng trưởng xuất khẩu*

Để nâng cao chất lượng tăng trưởng xuất khẩu, cần phải nhanh chóng thay đổi mô hình tăng trưởng xuất khẩu. Bởi, trong những năm qua, tăng trưởng xuất khẩu của VN chủ yếu dựa vào lợi thế so sánh sẵn có về tài nguyên và lao động rẻ. Hiện tại và trong vài năm tới lợi thế nói trên vẫn phát huy tác dụng. Song, dễ dàng nhận thấy rằng: (i) Nguồn lực tự nhiên ngày càng cạn kiệt. Những hạn chế mang tính cơ cấu về lợi thế tự nhiên như khả năng khai thác, đánh bắt, nuôi trồng sẽ làm giảm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong dài hạn; và (ii) Lợi thế lao động rẻ cũng ngày càng giảm dần, bởi chênh lệch tiền lương lao động nước ta với các nước giảm dần và nhu cầu trên thị trường thế giới về những hàng hóa có hàm lượng khoa học, công nghệ cao ngày càng lớn. Do đó, dựa vào mô hình tăng trưởng theo chiều rộng trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh sẵn có xuất khẩu VN khi có thể duy trì được tốc độ tăng trong cao. Hơn nữa, cạnh tranh quốc tế trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu hiện nay còn đang diễn biến khó lường cũng là áp lực phải nhanh chóng chuyển sang mô hình tăng trưởng xuất khẩu mới.

Mô hình tăng trưởng mới là mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa vào khai thác lợi thế cạnh tranh động để nâng cao năng suất, chất

lượng, hiệu quả xuất khẩu trên cơ sở đẩy mạnh cải cách thể chế, sử dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại, thực hiện chính sách ưu đãi các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao phục vụ xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động Marketing quốc tế.

2.2. *Nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu*

Chất lượng sản phẩm là lợi thế cạnh tranh có tính quyết định trong thế kỷ XXI. Tầm quan trọng của chất lượng hàng hóa là giúp giữ thị trường cũ, thâm nhập thị trường mới. Trong điều kiện VN đã hội nhập sâu rộng vào các thị trường các châu lục khác nhau, chất lượng hàng hóa phải đạt chuẩn mực quốc tế đối với từng ngành hàng/mặt hàng cụ thể.

Để đảm bảo hiệu quả và tính bền vững trong phát triển xuất khẩu, điều quan trọng hơn là hàng hóa phải đem lại cho người tiêu dùng những “Tác dụng đặc biệt”. Vì thế, vấn đề không chỉ là đảm bảo chất lượng sản phẩm theo chuẩn mực, mà còn là phấn đấu một chất lượng “vượt trội” và thể hiện sự “khác biệt” của sản phẩm so với sản phẩm cùng loại trên thị trường thế giới. Phát triển sản phẩm mới, đổi mới sản phẩm hiện có dựa trên công nghệ tiên tiến ... là yếu tố quan trọng để giành, giữ và mở rộng thị trường một cách hữu hiệu.

2.3. *Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ*

Phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ để rút ngắn “thời kỳ gia công”, tăng dần các sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao trong các ngành chế biến xuất khẩu nhằm nâng hiệu quả và tính bền vững của tăng trưởng xuất khẩu.

Phát triển công nghiệp hỗ trợ là điều kiện quan trọng để đảm bảo tính chủ động trong việc khai thác nguồn lực trong nước, giảm xuất khẩu sản phẩm thô và nhập khẩu nguyên liệu, là điều kiện để nâng cao giá trị gia tăng của các ngành hàng/mặt hàng xuất khẩu chế biến. Việc phát triển công nghiệp hỗ trợ phụ thuộc vào trình độ công nghệ, tiến bộ khoa học công nghệ, khả năng tài chính, các quan hệ liên kết kinh tế khu vực và thế giới trong chuỗi giá trị toàn cầu. Căn cứ vào trình độ phát triển hiện tại và những điều kiện bảo đảm để phát triển công nghệ, cần khuyến khích phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành: dệt may, da giày, cơ khí chế tạo, điện tử, tin học.

2.4. Mở rộng thị trường xuất khẩu tận dụng cơ hội thuận lợi của hội nhập quốc tế để thúc đẩy mạnh xuất khẩu bền vững, đặc biệt là tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA) để tạo lợi thế cạnh tranh mới đối với hàng xuất khẩu.

Việc ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, thuế quan các nước giảm mạnh là cơ hội cho hàng VN tiếp cận các thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu.

Đến nay VN đã ký kết 6 Hiệp định thương mại tự do (FTA) mang tính khu vực, với nhiều nước. Theo thông tin từ Bộ Công thương xuất khẩu của VN thời gian qua khá ấn tượng, thể hiện ở tỷ lệ hàng hóa có sử dụng mẫu chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi khá cao và có xu hướng tăng lên qua các năm. Năm 2012, kim ngạch xuất khẩu có sử dụng các loại C/O ưu đãi đạt 18 tỷ USD, chiếm 33,6% tổng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường có FTA với VN. Trong đó, tỷ lệ sử dụng C/O ưu đãi sang

Hàn Quốc đạt 76%, sang Nhật là 33%, Trung Quốc đạt 27%. Đặc biệt trong những năm gần đây, xuất khẩu sang thị trường có FTA liên quan với VN đều có mức tăng trưởng cao. Năm 2011 và năm 2012 kim ngạch xuất khẩu của VN sang ASEAN tăng tương ứng 30,7% và 27%, sang Nhật là 38,5% và 25%, Trung Quốc là 52% và 17%, sang Hàn Quốc là 52,5% và 18%.

Ký kết các Hiệp định thương mại (FTA) đã thúc đẩy XKHH. Ví dụ, hiện nay đang đàm phán ký kết FTA với Liên minh châu Âu, Hiệp hội Mậu dịch tự do châu Âu (EFTA), với Liên minh Hải quân Nga – Belarus – Kazakhstan. Đây là các nền kinh tế có cơ cấu thương mại bổ sung với VN. Do đó, ký kết các FTA này không chỉ thúc đẩy xuất khẩu mà có thể còn cải thiện cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu của VN không ảnh hưởng đến cạnh tranh ngành của VN. Và đang chính thức tham gia đàm phán Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP).

2.5. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng xuất khẩu và giải quyết các vấn đề xã hội, theo hướng: xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích bình đẳng trong hoạt động xuất khẩu nhằm mang lại lợi ích cho người trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt là nông dân. Thiết lập hệ thống an sinh xã hội để giải quyết các vấn đề liên quan đến bất bình đẳng thu nhập, mất việc làm, phá sản, rủi ro thương mại. Hỗ trợ các ngành xuất khẩu thu hút nhiều lao động; thủy sản, nông sản, dệt may, da giày, thủ công mỹ nghệ ... trong trường hợp biến động xấu hạn chế xuất khẩu và tránh cho người lao động mất việc làm và thu nhập. Áp dụng các biện pháp cải thiện môi trường cho người lao động vừa đáp

ứng yêu cầu của các nhà nhập khẩu, nhất là ngành dệt may, da giày (áp dụng tiêu chuẩn SA 8000) vừa cải thiện điều kiện làm việc của người lao động.

2.6. Giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng xuất khẩu và bảo vệ môi trường, theo hướng: (i) Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với cơ quan quản lý và doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu; (ii) Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các quy trình và công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường: Thúc đẩy phát triển công nghệ, nhất là công nghệ thân thiện với môi trường; khuyến khích áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường như: quy trình sản xuất rau an toàn, thịt an toàn, nuôi trồng thủy sản an toàn ... hỗ trợ các doanh nghiệp có được chứng chỉ môi trường đối với hàng hóa xuất khẩu. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng mô hình quản lý môi trường tiên tiến nhau ISO 14000. HACCP ... (iii) Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia theo hướng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, về quy trình sản xuất thân thiện với môi trường (PPM), các quy định và tiêu chuẩn về bao bì, đóng gói, nhãn môi trường và nhãn sinh thái; và (iv) Áp dụng các nguyên tắc, công cụ kinh tế trong quản lý môi trường, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường. Và có chính sách hỗ trợ và kiểm soát đặc biệt đối với một số ngành mà việc phát triển sản xuất, xuất khẩu có tác động trực tiếp đến môi trường như: nông nghiệp, khai thác và xuất khẩu thủy sản, lâm sản, khoáng sản ... ●

(Xem tiếp trang 14)